

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 6 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn

Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Kim L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn S, sinh năm 1969; Tạm trú: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống có 3 con chung tên Phạm Thị Bé Tài, sinh năm 1996; Phạm Thị Bé Ngoan, sinh năm 1999; Phạm Văn Vẹn, sinh ngày 12/7/2003 (các cháu Bé Tài, Bé Ngoan đã trưởng thành), còn cháu Vẹn đang sống với bà L.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm trong lối sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng ly thân 6 năm không có thiện chí hàn gắn trở lại. Nay yêu cầu được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Còn cháu Vẹn chưa đủ tuổi, bà L yêu cầu nuôi cháu Vẹn đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông S thống nhất theo lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Có 3 con chung như bà L trình bày, nay đã trưởng thành hai cháu là Bé Tài và Bé Ngoan. Còn lại cháu Vện, đồng ý giao cháu Vện cho bà L nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án*: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn*: Bà L và ông S tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996 và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng bà L và ông S không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận bà L và ông S là vợ chồng là phù hợp.

[4] *Xét về con chung*: Bà L và ông S có 3 người con chung, 2 người con lớn đã đủ tuổi thành niên nên không xem xét. Đối với cháu Phạm Văn Vện, sinh ngày 12/7/2003 tại Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Vện có nguyện vọng sống với bà L, từ ngày bà L và ông S ly thân đến nay cháu Vện được bà L nuôi dạy chu đáo và ông S cũng thống nhất giao cháu Vện cho bà L nuôi dạy. Tại phiên tòa, bà L cũng xác định đủ điều kiện nuôi cháu Vện, nên chấp nhận giao cháu Vện cho bà L nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà L xác định đủ điều kiện nuôi cháu Vện nên không yêu cầu ông S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung*: Các đương sự xác định là không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về nợ chung*: Vợ chồng không có nợ người khác, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Xét về án phí*: Bà L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Kim L.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Kim L và ông Phạm Văn S là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Văn Vẹn, sinh ngày 12/7/2003 cho bà Lâm Kim L nuôi dạy; ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng ông S có quyền đến thăm nom, chăm sóc cháu Vẹn, không ai ngăn cản ông S thực hiện quyền này và ông S phải tôn trọng quyền của cháu Vẹn được sống với bà L.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004959 ngày 11/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (email);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Từ Thanh Nhung